

BIỂU PHÍ E**BIỂU PHÍ THẺ GHI NỢ QUỐC TẾ***(Hiệu lực áp dụng kể từ ngày 05/01/2026)*

STT	Hạng mục phí	Đơn vị	Mức phí
1	Phí phát hành thẻ lần đầu		
	Phát hành thường	Thẻ	Miễn phí
	Phát hành nhanh ⁽¹⁾	Thẻ	100.000 đồng
2	Phí phát hành lại		
	Phát hành thường	Thẻ	100.000 đồng
	Phát hành nhanh ⁽¹⁾	Thẻ	200.000 đồng
3	Phí cấp lại PIN	Lần	20.000 đồng
4	Phí thường niên		100.000 đồng
5	Phí rút tiền		
5.1	Tại ATM, ĐUTM của ABBANK	Lần	1.000 đồng
5.2	Tại ATM, ĐUTM khác	Lần	2%* số tiền (Min = 30.000 đồng)
6	Phí vắn tin, in sao kê		
6.1	Tại ATM của ABBANK	Lần	500 đồng
6.2	Tại ATM khác	Lần	800 đồng ⁽²⁾
7	Phí chuyển đổi ngoại tệ	Giao dịch	2,5% * số tiền giao dịch
8	Phí tra soát khiếu nại <i>(trường hợp khiếu nại sai)</i>	Lần	100.000 đồng
9	Phí thông báo thẻ bị mất cắp/thất lạc và khóa tạm thời <i>(mở khóa thẻ không thu phí)</i>	Lần	100.000 đồng
10	Phí tắt toán thẻ	Thẻ	Miễn phí
11	Phí thay đổi hạn mức sử dụng	Lần	60.000 đồng
12	Phí dịch vụ khác ⁽³⁾	Lần	60.000 đồng

Ghi chú:

- Biểu phí chưa bao gồm VAT, áp dụng cho tất cả các hạng thẻ và áp dụng tương tự cho cả thẻ chính và thẻ phụ; ngoại trừ mục 7 là mức phí đã bao gồm VAT.

- *Phí được ghi nợ trực tiếp vào tài khoản thanh toán thẻ của KH hoặc thu bằng tiền mặt tại quầy.*
- *(1): Địa bàn áp dụng dịch vụ phát hành nhanh tại khu vực Miền Bắc, TP. Đà Nẵng & TP.HCM.*
- *(2): Mức phí do ABBANK thu KH chưa bao gồm phí do Ngân hàng cung cấp dịch vụ nơi KH thực hiện giao dịch*
- *(3): Phí dịch vụ khác là các dịch vụ Ngân hàng hỗ trợ theo từng yêu cầu cụ thể của KH ngoài trừ các mục phí từ 1 đến 11 đã được nêu tại Biểu phí trên. Cách thức và tài khoản phí hạch toán, ĐVKD thực hiện tương tự như nghiệp vụ phát hành lại thẻ do hỏng, mất, thất lạc.*